

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 29- 5- 2025
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Dương
- Bà Vũ Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa:
ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ruy T, sinh năm 1988
Đăng ký TT: thôn Lạc Cổ, xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
Địa chỉ hiện nay: thôn Đông, xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981
Địa chỉ: thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ruy T trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Văn T1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Ngày 07/3/2025 anh T1 đánh đuổi chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh T1. Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 30/10/2006 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/11/2011. Hiện nay, con T2 đã đủ 18 tuổi trưởng thành có đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị nhất trí để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con P theo nguyện vọng của con P và chị không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T1 không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với mẹ đẻ anh T1 là bà Nguyễn Thị Đ cung cấp: Anh T1 hiện đang làm ăn tại tỉnh Quảng Ninh nhưng không có địa chỉ cụ thể. Gia đình đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Toà án và đã thông báo cho anh T1 biết. Anh T1 thông qua gia đình trình bày quan điểm với Tòa án như sau: Anh T1 không muốn ly hôn còn chị T muốn ly hôn thì tự một mình chị T giải quyết. Anh T1 và chị T có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 30/10/2006 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/11/2011. Anh T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi con P và không yêu cầu chị T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 không trình bày ý kiến, yêu cầu gì về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị T được ly hôn anh T1; về quan hệ con chung, xử giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/11/2011. Chị T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ruy T và anh Nguyễn Văn T1 xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị T khai vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Ngày 07/3/2025 anh T1 đánh đuổi chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Về phía anh T1 không nhất trí ly hôn chị T nhưng anh T1 không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết; không có giải pháp nào để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 30/10/2006 đã đủ 18 tuổi trưởng thành có đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh T1 có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/11/2011 và không yêu cầu chị T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Con P cũng có nguyện vọng ở với bố và chị T cũng đồng ý. Vì vậy, cần giao con P cho anh T1 nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh T1 là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: chị T và anh T1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Ruy T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/11/2011 cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định. Chị T không phải góp cấp dưỡng nuôi con P cho anh T1. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ruy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002444 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Ruy T và anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Dục, H.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng